

MỘT SỐ KHÁI NIỆM, CÁCH TIẾP CẬN VÀ LÝ THUYẾT VỀ XUNG ĐỘT TỘC NGƯỜI TRÊN THẾ GIỚI¹

PGS.TS. Vương Xuân Tình
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Kể từ sau khi Liên Xô và các nước Đông Âu (cũ) tan rã đến nay, xung đột tộc người (ethnic conflict) càng trở thành vấn đề nóng bỏng trên thế giới và được nhiều học giả quan tâm. Bài viết này tổng quan một số khái niệm, tiếp cận và lý thuyết về xung đột tộc người (XĐTĐN) trên thế giới - những khía cạnh rất quan trọng để thực hiện các nghiên cứu liên quan. Trong bối cảnh phức tạp của XĐTĐN và tự do học thuật, có nhiều ý kiến đa dạng về khái niệm, tiếp cận và lý thuyết đã nêu. Tuy nhiên, các tác giả đều cho rằng XĐTĐN là sử dụng vấn đề tộc người để thực hiện mục đích chính trị, và cách tiếp cận hay lý thuyết đều hướng đến giải thích nguyên nhân của xung đột. Qua tổng quan, bài viết góp phần nhận diện vấn đề vừa nêu nhằm bước đầu cung cấp thông tin cho bạn đọc về lĩnh vực còn ít được đề cập ở Việt Nam.

Từ khóa: Xung đột tộc người, khái niệm, tiếp cận, lý thuyết.

Đã dẫn luận

Xung đột tộc người là vấn đề nóng bỏng trên thế giới, đặc biệt kể từ thập niên 90 của thế kỷ XX khi Liên Xô và các nước Đông Âu (cũ) tan rã. Những cuộc xung đột ấy đã dẫn tới nạn khủng bố, nội chiến hoặc chiến tranh giữa các quốc gia, kéo theo liên đới của nhiều tổ chức quốc tế. Kể từ khi XĐTĐN trên thế giới gia tăng, đã xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu trình bày, thảo luận về vấn đề này. Mục đích chính của những trình bày, thảo luận là nhằm xác định nguyên nhân xung đột, cách nhận diện và phương thức giải quyết xung đột. Các

công trình nghiên cứu liên quan được thực hiện với những cấp độ khác nhau, kể từ trình bày, thảo luận về xung đột tộc người trên thế giới hoặc ở khu vực hay quốc gia cụ thể.

Bài viết này chỉ là một tổng quan, tập trung trình bày về các khái niệm, tiếp cận và lý thuyết XĐTĐN trên thế giới - những vấn đề rất cơ bản cần xác định khi thực hiện nghiên cứu có liên quan. Do hạn chế về khả năng sử dụng và nguồn tài liệu, nên chúng tôi chỉ tổng quan qua một số công trình xuất bản bằng tiếng Anh. Mục đích của bài viết là nhằm nhận diện vấn đề và bước đầu cung cấp thông tin cho bạn đọc về lĩnh vực còn ít được đề cập ở Việt Nam. Chúng tôi hy vọng trong thời gian tới, với điều kiện có thể, những khái niệm, cách tiếp cận và lý thuyết XĐTĐN sẽ được thảo luận nhiều hơn trên diễn đàn khoa học của Việt Nam.

¹ Bài viết này là kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp Nhà nước: *Hệ thống hóa, phân tích các nghiên cứu về xung đột dân tộc trong khu vực và trên thế giới từ năm 1990 đến nay*, mã số: CTDT.05.16/16-20, do PGS.TS. Phạm Bích San làm Chủ nhiệm.

1. Khái niệm về xung đột tộc người

Đến nay, có khá nhiều tranh luận về khái niệm “xung đột tộc người”. Theo Cordell và Wolff (2011, tr. 4), XĐTN là loại hình xung đột trong đó ít nhất có mục tiêu của một đảng chính trị liên quan đến xung đột hướng vào vấn đề tộc người, vạch ra sự khác biệt tộc người với phía đối lập. Nói cách khác, XĐTN có thể được hiểu là tính phức hợp của hiện tượng chính trị. Khái niệm trên được xem như định hướng cho khung phân tích của tác phẩm *Routledge Handbook of Ethnic Conflict* (Sổ tay về xung đột tộc người), do Cordell và Wolff chủ biên (2011). Khái niệm của Tina Kempin Reuter về XĐTN trong *Bách khoa toàn thư Britannica* cũng đồng quan điểm với khái niệm này (Tina Kempin Reuter, <https://www.britannica.com/topic/ethnic-conflict>). Ngoài ra, còn có một số định nghĩa khác làm rõ hơn nội hàm của khái niệm XĐTN. Bates và cộng sự (2003) cho rằng, XĐTN là xung đột của những cộng đồng thiểu số, cộng đồng dân tộc, tôn giáo với Nhà nước đòi thay đổi hiện trạng. Trong một nghiên cứu khác, Bates nhấn mạnh, xung đột tộc người là xung đột trong kiểm soát nguồn tài nguyên khan hiếm (Bates, 1982). Matthias Basedau (2011, tr. 6) thì cho rằng XĐTN là xung đột của ít nhất hai tộc người có mục tiêu đối lập về quyền lực và nguồn tài nguyên, hoặc đối lập trong diễn giải hay sử dụng các biểu tượng lịch sử. Tuy nhiên theo tác giả, XĐTN có thể diễn ra có bạo lực hoặc không bạo lực. Rohan Gunaratna và cộng sự (2010, tr. 15) còn đặt XĐTN trong bối cảnh xung đột tộc người - dân tộc (ethno-nationalist conflict). Đó là khi nhóm

đa số (majority) khiến các nhóm thiểu số (minorities) thiếu tin cậy do tác động tới chính sách và thực hành của Nhà nước, tạo nên sự bất đồng giữa các nhóm ngôn ngữ, tộc người, tôn giáo và văn hóa.

Bên cạnh những quan niệm nêu trên, còn có ý kiến trái chiều. Chẳng hạn, Bruce Gilley (2004, tr. 1160) tranh luận, làm thế nào để phân biệt được nội chiến tộc người (ethnic civil war) với nội chiến (civil war)? Tác giả cũng chia sẻ ý kiến của Huntington (1971, tr. 304) khi cho rằng, khái niệm “xung đột tộc người” có ý nghĩa học thuật hơn là công cụ để phân tích. Với câu hỏi của Bruce Gilley, có thể dùng quan điểm của Cordell và Wolff (2011, tr. 4) đã nêu để trả lời. Còn ý kiến của Huntington cũng chưa hoàn toàn có lý, bởi tự thân mỗi khái niệm khoa học chưa thể là công cụ phân tích, mà kèm theo đó, cần có diễn giải về nội hàm và cách xác định.

Tóm lại, qua những trình bày nêu trên, chúng tôi cho rằng khái niệm XĐTN của Cordell và Wolff (2011, tr. 4) và của Matthias Basedau (2011, tr. 6) rất đáng lưu ý: đó là loại hình xung đột trong đó ít nhất có mục tiêu của một đảng chính trị liên quan đến xung đột hướng vào vấn đề tộc người, vạch ra sự khác biệt tộc người với phía đối lập; và xung đột này có thể diễn ra có bạo lực hoặc không bạo lực.

2. Tiếp cận về xung đột tộc người

Tiếp cận về XĐTN được hiểu là cách nhìn bao quát để lý giải nguyên nhân xung đột. Theo đó, cách tiếp cận rất phong phú, có thể được diễn giải như viễn cảnh (perspective), hướng đến (approach). Tuy nhiên, khái niệm tiếp cận (perspective/approach) và lý thuyết (theory) đôi khi bị chồng lấn. Ví dụ, *khởi*

nguyên luận (primordialism) được nhiều tác giả sử dụng làm lý thuyết nghiên cứu XĐTN (sẽ trình bày ở mục 3), song Thomas và cộng sự (1998) lại dùng như cách tiếp cận (approach). Sau đây, chúng tôi sẽ trình bày một số tiếp cận chính.

2.1. Tiếp cận địa lý (Geographic perspectives)

Đây là tiếp cận do Alexander Murphy (1995, tr. 5-14) khởi xướng, đồng thời cũng là tiếp cận chung của Hội thảo *Thách thức của xung đột tộc người đến trật tự quốc gia và quốc tế trong những năm 1990: Tiếp cận địa lý*². Theo Murphy, tiếp cận này có ba vấn đề then chốt: *điểm* (location), *lãnh thổ* (territory) và *môi trường* (environment). Qua phân tích ba vấn đề then chốt này, có thể nhận diện hay dự báo XĐTN tại một địa phương hoặc quốc gia nào đó.

- *Điểm* (Location): Thực chất, đây là cách nhìn nhận về không gian sống của một tộc người trong quan hệ với tộc người khác theo hướng nhận diện xung đột. Murphy cho rằng, có ba mô hình về tiếp cận điểm:

+ *Thứ nhất*, tộc người thiểu số có vùng đất riêng sống cạnh tộc đa số. Với các tộc người này, sẽ có nhu cầu SAI (viết tắt của ba chữ Separation - Autonomy - Independence, tức Ly khai - Tự trị - Độc lập). Điển hình cho mô hình này là người Tạng ở Tây Tạng, Trung Quốc.

+ *Thứ hai*, tộc người thiểu số có những nhóm nhỏ sống cùng tộc đa số. Các tộc người này thường có nhu cầu *rap* (viết tắt của ba chữ recognition - access - participation, tức thừa nhận - tiếp cận - tham gia). Có rất nhiều mô hình xen cư của các tộc người ở những quốc gia đa dân tộc.

+ *Thứ ba*, tộc người thiểu số có vùng đất riêng sống cạnh tộc đa số, lại có các cộng đồng sống cùng tộc đa số. Những tộc người này thường có nhu cầu kết hợp SAI - *rap*, ví dụ người Pháp ở Canada, và họ thường có khát vọng độc lập lớn.

Qua phân tích ba mô hình, Murphy rút ra nhận xét: các tộc người thiểu số dễ tụ cư thường bị giới hạn về phong trào dân tộc. Bởi vậy, mô hình định cư có tầm ảnh hưởng quan trọng đến sách lược của các tộc người trong quá trình XĐTN.

- *Lãnh thổ* (Territory): Theo Murphy, lãnh thổ là vùng đất có đường biên, với các đặc điểm hay ý nghĩa về chính trị. Bản chất, chức năng và ý thức về lãnh thổ vốn có ở tộc người. Lãnh thổ chính là trung tâm trong tư duy địa lý của tộc người và chủ nghĩa dân tộc (nationalism). Tuy nhiên, ý thức lãnh thổ tộc người không phải ở tất cả các tộc người, không phải khi nào cũng có. Lãnh thổ tộc người - chính trị chỉ xuất hiện khoảng 200 năm trở lại đây. Khi xảy ra XĐTN liên quan đến lãnh thổ, có hai câu hỏi quan trọng cần đặt ra: 1. Bản chất và phạm vi của ý thức tộc người về lãnh thổ; 2. Sự phát triển và thể chế hóa sắp đặt về lãnh thổ chính trị như thế nào? Murphy cũng nhận xét, nơi nào rơi vào phạm vi ý thức lãnh thổ của nhiều hơn một tộc người, nơi ấy có nhiều nguy cơ XĐTN.

² Hội thảo *The Challenge of Ethnic Conflict to National and International Order in the 1990s: Geographic Perspectives* do Vụ Nguồn lực địa lý của CIA tổ chức năm 1993, Kỷ yếu Hội thảo được công bố năm 1995.

- *Môi trường (Environment)*: Xem xét yếu tố môi trường trong xung đột là nhìn nhận mối quan hệ của tộc người với môi trường, bao gồm cả nhận thức ảnh hưởng đến xác định vấn đề môi trường và xem xét mối quan hệ bên trong của tộc người với môi trường (quyền sử dụng nguồn tài nguyên trên lãnh thổ). Có thể nói, môi trường như điểm cuối của xung đột lãnh thổ, tức liên quan đến những xung đột lợi ích cụ thể. Bất bình đẳng trong quyền sử dụng đất, nguồn tài nguyên giữa các tộc người và tác động tiêu cực về môi trường do tộc người khác gây nên sẽ dẫn đến xung đột.

Murphy cho rằng, ba vấn đề then chốt nêu trên (*điểm, lãnh thổ, môi trường*) chỉ là cơ sở của XĐTN, còn thời điểm xảy ra xung đột lại phụ thuộc vào ba yếu tố: 1. Xuất hiện thủ lĩnh chính trị; 2. Sự bất mãn của dân chúng; và 3. Tương quan về kinh tế, chính trị, môi trường với tộc người đối lập.

2.2. Tiếp cận khác

Ngoài tiếp cận địa lý nêu trên, còn nhiều cách tiếp cận khác. Dưới đây là một số cách tiếp cận liên quan.

- *Tiếp cận theo các yếu tố nhân khẩu học - xã hội, kinh tế và chính trị*: Theo Saxton và Benson (2006, tr. 1-39), các yếu tố nhân khẩu học - xã hội, kinh tế và chính trị có ảnh hưởng đến XĐTN. Các tác giả cho rằng sự đàn áp văn hóa và những khác biệt về kinh tế, chính trị là nguyên nhân chính để các nhóm thiểu số chống lại Chính phủ. Những đặc trưng về tộc người - ngôn ngữ sẽ hữu ích cho sự tập hợp xã hội trong xung đột.

- *Tiếp cận kết hợp*: Những tác giả theo hướng tiếp cận này cho rằng, XĐTN do nhiều nguyên nhân, và có sự kết hợp trong tác động. Lake và Rothchild (1996, tr. 41-45) tranh luận, trong các biến số nghiên cứu về XĐTN, rất khó xây dựng biến số cho vấn đề khởi nguyên luận hay văn minh có liên quan đến sự thù hận của tộc người. Payne (2013, tr. 306) biện luận, sự căng thẳng của XĐTN là bởi tình trạng nghèo đói và thể chế chính trị kém cỏi. Lake và Rothchild (1996, 1998) còn cho rằng, các nhà lãnh đạo luôn dùng yếu tố tộc người để khơi dậy xúc cảm cho mục tiêu chính trị của mình. Điều đó luôn đi kèm với thiếu nguồn lực, thiếu việc làm, cạn kiệt lương thực và khiến nhóm tộc người ấy luôn sợ hãi tình trạng của họ, đồng thời tin rằng có nhóm khác chiếm đoạt được nhiều hơn. Tóm lại, những nhà lãnh đạo này thường kích động và làm trầm trọng hơn tình huống đó.

Cùng với các nguyên nhân nói trên, sự quản trị về dân chủ cũng tác động đến XĐTN. Theo Cederman và cộng sự (2013, tr. 387-417), XĐTN có thể bị tác động từ các cuộc bầu cử gian lận. Trong một số trường hợp, việc quản trị về dân chủ sẽ tốt hơn nếu được sự trợ giúp của Liên Hiệp Quốc, các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ.

Trong các cách tiếp cận nêu trên, nhiều ý kiến cho rằng tiếp cận *kết hợp*, tức xem xét nguyên nhân xung đột từ nhiều chiều cạnh là hợp lý. Với các yếu tố gây nên xung đột, cần đặc biệt lưu ý yếu tố kinh tế và chính trị, tức sự bất bình đẳng giữa các tộc người trong tiếp cận và hưởng lợi nguồn tài nguyên trong hệ thống quản trị của đất nước; và sau nữa, sự đàn áp văn hóa - hệ quả của hai yếu tố trên sẽ càng làm gia tăng xung đột.

Liên quan đến tiếp cận XĐTN, có tiếp cận xung đột tộc người - tôn giáo. Frans de Djalong, Lambang Trijono và cộng sự (2004, tr. 3-6) đã thảo luận vấn đề này, song phải thừa nhận là rất phức tạp. Nội hàm của XĐTN có thể dễ được chấp nhận, nhưng nội hàm của xung đột tộc người - tôn giáo lại khó giải quyết bởi những vấn đề về tôn giáo thường nằm trong vấn đề tộc người. Theo đó, XĐTN là xung đột của đặc trưng nhóm như chủng tộc, ngôn ngữ, tôn giáo, bộ lạc, đẳng cấp. Có thể thấy nhiều ví dụ trong XĐTN đã có xung đột tôn giáo như xung đột của người theo đạo Tin Lành và Công giáo ở Bắc Ireland, của cư dân theo đạo Hồi và Công giáo tại Balkan và vùng Caucasus.

3. Lý thuyết xung đột tộc người

Lý thuyết (theory), nếu theo định nghĩa của Từ điển Oxford có nội hàm rất rộng: bao gồm những nguyên lý của hành động; ý tưởng để giải thích tình huống hay chứng minh diễn biến của hành động; hoặc tập hợp những giải thích về nguyên lý của sự vật (<https://en.oxforddictionaries.com/definition/theory>). Tuy nhiên trong tổng quan này, chúng tôi chỉ trình bày những vấn đề mà tác giả tự xác định là lý thuyết để thảo luận hay ứng dụng trong nghiên cứu XĐTN. Mặt khác, như đã trình bày ở mục 2, việc sử dụng khái niệm lý thuyết XĐTN đôi khi có sự chồng lấn với tiếp cận, bởi có những khái niệm lúc được tác giả này sử dụng là “tiếp cận” (approach), lúc được tác giả khác trình bày là “lý thuyết”). Vì thế trong mục này, chúng tôi chỉ nêu các lý thuyết XĐTN do chính tác giả xác định đó là lý thuyết.

3.1. Một số lý thuyết cơ bản được áp dụng nghiên cứu xung đột tộc người

Trên thực tế, các lý thuyết được đề cập sau đây không chỉ dành cho nghiên cứu XĐTN mà còn được sử dụng trong nhiều lĩnh vực khoa học. Ví dụ, khởi nguyên luận vốn mang màu sắc triết học, có nguồn gốc từ chủ nghĩa lãng mạn Đức. Trong Đại chiến thế giới thứ hai, khởi nguyên luận được các học giả theo chủ nghĩa dân tộc sử dụng để kiến tạo dân tộc (nation), và được dùng giải thích về bản sắc tộc người, XĐTN.

- *Khởi nguyên luận (Primordialism)*: Theo Michael Rear (2008, tr. 5-7), Dodeye Uduak Williams (2015, tr. 147-148), khởi nguyên luận cho rằng, đặc trưng tộc người là vốn có, nghĩa là các thành viên tộc người mang đặc trưng này từ lúc mới sinh và rất khó thay đổi. Điều đó còn có nghĩa, mối quan hệ tộc người là cố hữu và mỗi cá nhân có quan hệ sâu sắc với những người khác dựa trên cơ sở chủng tộc, tôn giáo, ngôn ngữ. Những thành viên thuộc tộc người, các đặc trưng tộc người vì thế cũng ổn định qua các thế hệ do được tạo nên sự khác biệt của biên giới xã hội. Theo đó, sự khác biệt tộc người được xem có tính cố hữu và XĐTN có tính bản chất, xuất phát từ sự “thù hận tổ tiên”. Khởi nguyên luận còn giải thích nỗi sợ hãi về sự thống trị và truy bức đều xuất phát từ XĐTN.

Những người phê phán thuyết này cho rằng khởi nguyên luận đã bỏ qua tác động của quá trình chính trị, kinh tế và cấu trúc đối với XĐTN và trong các xã hội hỗn hợp về tộc người có thể dẫn tới XĐTN, song không thể so sánh vấn đề tộc người ở Nam Tư với nhiều nước châu Phi - nơi có mối

quan hệ tộc người hòa bình. Mặt khác, quan điểm của khởi nguyên luận khó giải thích về thời điểm nổ ra xung đột: nếu coi XĐTN mang tính cố hữu, tại sao lại nổ ra ở thời điểm A mà không phải trước hay sau đó?

- *Bản chất luận (Essentialism)*: Theo Varshney (2009, tr. 280-282), bản chất luận cho rằng có sự định sẵn về đặc trưng và chức năng tộc người. Bản chất luận được hình thành từ tư tưởng triết học cổ đại của Platon và Aristotle, và có xu hướng tương đồng với khởi nguyên luận.

Bản chất luận có ba điểm yếu, khó thuyết phục. *Một là*, nếu xung đột là bản chất, tại sao các xung đột lại nổi lên hay tan vỡ ở những thời điểm khác nhau. *Hai là*, nhiều cuộc XĐTN trên thế giới không phải do thù nghịch cũ mà từ những vấn đề mới, như di dân, việc làm (xung đột của người Hoa và người Malay ở Malaysia vào nửa sau thế kỷ XX chẳng hạn). *Ba là*, có sự phủ nhận bản chất luận từ cấu trúc luận. Cấu trúc luận phủ nhận thù hận tộc người mang tính cố hữu - theo quan niệm của khởi nguyên luận và bản chất luận. Dân tộc (nation) chỉ được xây dựng ở thời hiện đại, bởi vậy, quan điểm về sự phản kháng tộc người đối với dân tộc theo khởi nguyên luận hay bản chất luận là không có cơ sở lịch sử.

- *Công cụ luận (Instrumentalism)*: Theo Varshney (2009, tr. 282), Michael Rear (2008, tr. 7-16), công cụ luận nhìn tộc người không phải là thuộc tính cố hữu, cũng không phải giá trị nội tại. Tộc người như cơ sở chiến lược cho sự liên kết nhằm đạt được quyền lực chính trị, kinh tế của một số cá nhân nào đó; hay sự lựa chọn của các đảng phái nhằm đạt được mục đích của mình. Điều này có thể rõ

hơn qua việc giải thích vai trò của đội ngũ tinh hoa trong chiến tranh tộc người: vai trò đó dẫn tới các nhóm tộc người hoặc lựa chọn đánh nhau, hoặc lựa chọn hợp tác. Thuyết công cụ còn góp phần giải thích tại sao trong bạo lực tộc người, một số người tuy không mang lòng thù hận, không thích nhưng vẫn theo đám đông (Dodeye Uduak Williams, 2015, tr. 148). Fearon và Laitin (2003, tr. 83) cũng cho rằng, tự thân sự đa dạng tộc người và tôn giáo trong một đất nước không ảnh hưởng đến xung đột mà sự tác động chủ yếu là ở đời sống, thu nhập. Qua khảo sát xung đột của 233 nhóm tộc người, Gurr (1994, tr. 348-364) nhận xét, mức độ nóng của xung đột phụ thuộc chủ yếu vào các điều kiện chính trị và kinh tế.

- *Tiến hóa luận (Evolutionism)*: Thuyết tiến hóa xem quan hệ dòng dõi (kin relation) là cốt lõi của quan hệ tộc người, chi phối các mối quan hệ khác của tộc người, thậm chí của dân tộc (nation). Quan hệ dòng dõi không chỉ được đề cao với những người trong gia đình, dòng họ, mà còn mở rộng ở phạm vi tộc người, khi mọi người tin rằng có chung nguồn gốc, tổ tiên. Ý thức về cùng nguồn gốc, tổ tiên mang ý nghĩa tương tượng song lại có giá trị liên kết xã hội rộng lớn. Trong XĐTN, xung đột dân tộc (nation), các từ ngữ như mẹ, cha, anh trai, em gái thường được biểu tượng hóa thành khái niệm của cộng đồng tộc người hay dân tộc (đất mẹ - motherland; cờ cha - flag of your fathers; mẹ Nga - mother Russia; người anh em Tutsi - Tutsi brothers and sisters). Có thể nói, XĐTN đã sử dụng huyền thoại về nòi giống chung để tập hợp các thành viên của tộc người. Bởi vậy, có ý kiến cho

rằng, thuyết tiến hóa về XĐTN ủng hộ cho chủ nghĩa chủng tộc và chủ nghĩa dân tộc trung tâm [Patrick James và David Goetze (Chủ biên), 2001, tr. 19-38].

- *Cấu trúc luận (Constructivism)*: Thuyết cấu trúc cho rằng, đặc trưng tộc người là do kiến tạo xã hội (socially constructed) và được tạo dựng bởi nhiều bối cảnh, như chiến tranh, thực dân hóa hay di dân; nguồn gốc, lịch sử của đặc trưng tộc người là sự mở rộng, thu hẹp, hỗn hợp hay phân ly (Wimmer, 2008, tr. 970-1022). Các nhóm tộc người cũng dễ thay đổi và gắn với quá trình đổi thay về chính trị, kinh tế, xã hội. Theo các nhà cấu trúc luận, đặc trưng (identity) thuộc phạm trù xã hội, không thuộc về bản chất, không thể không thay đổi, bởi nó không phải là gen, chỉ là logic của đàm luận xã hội để định hướng cho việc xây dựng đặc trưng nhóm. XĐTN là sản phẩm của quá trình lịch sử, ảnh hưởng đến mối quan hệ của các nhóm tộc người, tạo nên sự thù hận giữa họ và là kết quả của chính trị hóa bản sắc tộc người (Dodeye Uduak Williams, 2015, tr.149).

- *Tự thức luận (Ascriptivism)*: Đây là luận điểm của Thomas và cộng sự (1998, tr. 24-29) dựa trên nền tảng tư tưởng của Max Weber và những người theo khuynh hướng lý thuyết của ông về vấn đề tộc người. Theo Max Weber, tộc người là một thực thể được kiến tạo (constructed), là nhóm người có niềm tin về tổ tiên chung bởi có những tương đồng về thể chất và tập quán; có ký ức về sự tổn thương trong lịch sử hay việc di cư. Những khía cạnh này rất quan trọng bởi chúng góp phần truyền bá trong xây dựng nhóm. Trong XĐTN, các nhà chính trị

đã thúc đẩy cá nhân liên kết trong tổ chức với danh nghĩa có sự thống nhất chung về đặc điểm tộc người để chiến đấu cho các mục tiêu đặt ra. Vì vậy, tộc người sẽ tham gia vào cấu trúc quyền lực. Có thể nói, nội hàm của tự thức luận về cơ bản cũng giống với công cụ luận.

3.2. Dung hợp lý thuyết cơ bản với thực chứng

Trong quá trình xây dựng lý thuyết về XĐTN, có tác giả không chỉ vận dụng các lý thuyết cơ bản nêu trên mà còn kết hợp với thực chứng - được khái quát từ cơ sở thực tiễn, mà nghiên cứu của Bojana Blagojevic (2009, tr. 5-13) là một ví dụ.

Dựa vào khởi nguyên luận và thực thể XĐTN ở Bosnia, Herzegovina, Bojana Blagojevic đã xây dựng khung nhận thức đa chiều để hiểu được nguyên nhân của XĐTN. Tác giả cho rằng XĐTN sẽ nổ ra khi các yếu tố và điều kiện sau đây cùng xuất hiện: i) Sự khủng hoảng về cấu trúc vĩ mô; ii) Xuất hiện ký ức lịch sử về nỗi oán hận của tộc người; iii) Xuất hiện yếu tố thể chế thúc đẩy XĐTN; iv) Những người đầu cơ chính trị sử dụng ký ức lịch sử để khơi gợi xúc cảm như nỗi sợ hãi, sự phẫn uất và nỗi ghê sợ kẻ khác; v) Có sự tranh giành của các tộc người đối với nguồn tài nguyên và các quyền.

Khi xây dựng các yếu tố lý thuyết để xem xét nguyên nhân tạo nên XĐTN, Bojana Blagojevic đã nêu mối quan hệ: ngoài điểm (i) là bối cảnh chung của xung đột, khởi nguyên luận sẽ giải thích cho điểm (ii); các yếu tố thể chế (institution), đầu cơ chính trị (political entrepreneurs), tranh chấp nguồn tài nguyên (competition over resources) giải thích cho các điểm (iii), (iv) và (v).

Ở đây, cần làm rõ thêm các yếu tố để xem xét nguyên nhân XĐTN. Ngoài khỏi nguyên luận - cơ bản được diễn giải và vận dụng như trong mục 3.1, các yếu tố có liên quan được hiểu như sau:

- *Thế chế (Institution)*: Thế chế có vai trò quan trọng, ảnh hưởng đến mức độ, chiều kích của XĐTN. Theo đó, thế chế có tác động đến hành vi, vai trò, sự tham gia, tính đại diện và trách nhiệm của các cá nhân và tổ chức. Bởi vậy, nước nào có thế chế chính trị thực hiện chính trị hóa bản sắc văn hóa/tộc người thì ở đó dễ dẫn tới xung đột văn hóa/tộc người hơn ở đất nước có thế chế chính trị thúc đẩy sự hội nhập xã hội với các nhóm đa dạng văn hóa.

- *Đầu cơ chính trị (Political entrepreneurs)*: Thay đổi cấu trúc vĩ mô và sự yếu kém về thế chế là điều kiện lý tưởng cho những người đầu cơ chính trị kích động tình cảm tộc người để thực hiện mục đích chính trị. Họ sẽ khơi gợi ký ức bất bình và nỗi oán hận về lịch sử của tộc người nhằm phục vụ cho quyền lực của mình.

- *Tranh chấp tài nguyên (Competition over resources)*: Chính trị hóa bản sắc tộc người gây nên xung đột tộc người, tranh chấp tài nguyên và quyền, nếu không được giải quyết sẽ dẫn đến xung đột bạo lực. Khi tài nguyên bị cướp giạt, sẽ dễ dàng cho những người đầu cơ chính trị lợi dụng chiêu kích xung đột tộc người. Tranh chấp tài nguyên thường là tranh chấp kinh tế, dẫn tới điều kiện kinh tế khó khăn, tỷ lệ thất nghiệp cao, viễn cảnh đói nghèo và sự bất hạnh đối với tộc người.

Nhận xét

Trong nghiên cứu XĐTN, các khái niệm, tiếp cận và lý thuyết rất quan trọng, bởi đây là định hướng cho nghiên cứu, phương pháp luận giải quyết các vấn đề nghiên cứu, như tìm hiểu nguyên nhân xung đột, cách nhận diện và xử lý xung đột. Tuy nhiên, XĐTN là vấn đề phức tạp, cộng thêm bối cảnh tự do trao đổi học thuật của nhiều nước nên các khái niệm, tiếp cận và lý thuyết có liên quan cũng rất đa dạng.

Về khái niệm XĐTN, điểm tương đồng của các ý kiến đều cho rằng, loại hình xung đột này sử dụng vấn đề tộc người để thực hiện mục tiêu chính trị, có hoặc không có bạo lực. Điểm khác biệt chỉ là tranh luận làm thế nào phân biệt nội chiến (civil war) và nội chiến tộc người (ethnic civil war), vì trong nội chiến có cả yếu tố tộc người tác động.

Về tiếp cận và lý thuyết, rất khó thống nhất trong quan niệm của một số tác giả: nhiều trường hợp, khó phân biệt giữa lý thuyết và tiếp cận bởi tác giả này cho là tiếp cận, tác giả khác lại nhìn nhận như lý thuyết. Tuy nhiên vẫn có điểm chung: đều tiếp cận hay lý thuyết, các tác giả đều hướng đến lý giải nguyên nhân xung đột tộc người. Bởi vậy, khi trình bày, có tác giả tập trung vào một tiếp cận hay lý thuyết, có tác giả lại thực hiện kết hợp. Có những lý thuyết cơ bản như khởi nguyên luận, bản chất luận, công cụ luận, cấu trúc luận vốn liên quan đến nhiều ngành khoa học cũng được vận dụng trong nghiên cứu xung đột tộc người.

Trên cơ sở đa dạng về khái niệm, tiếp cận và lý thuyết, khi nghiên cứu trường hợp xung đột tộc người tại khu vực hay quốc gia cụ thể, các tác giả cũng vận dụng cho phù

hợp. Tuy nhiên, chúng tôi chưa có điều kiện trình bày vấn đề này và hy vọng sẽ đề cập vào dịp khác.

Tài liệu tham khảo

1. Alexander Murphy (1995), “Geographic in Ethnic Conflict”, in: *The Challenge of Ethnic Conflict to National and International Order in the 1990s: Geographic Perspectives*, Conference Report, CIA/RTT/95-10039, PP. 5-14.
2. Bates, Robert H., David L. Epstein, Jack A. Goldstone, Ted Robert Gurr, Barbara Harff, Colin H. Kahl, Marc A. Levy, Michael Lustik, Monty G. Marshall, Thomas M. Parris, Jay Ulfelder, and Mark R. Woodward (2003), *Political Instability Task Force Report*, Phase IV, Findings.
3. Bates, Robert H. (1982), “Modernization, Ethnic Competition, and the Rationality of Politics in Contemporary Africa”, in: *State versus Ethnic Claims: African Policy Dilemmas*, Donald Rothchild and Victor A. Olunsorola (eds.), Westview Press, Boulder, CO.
4. Bojana Blagojevic (2009), “Causes of Ethnic Conflict: A Conceptual Framework”, *Journal of Global Change and Governance*, Volume III, Number 1.
5. Bruce Gilley (2004), “Against the Concept of Ethnic Conflict”, *Third World Quarterly*, Vol. 25, No. 6, PP. 1155-1166.
6. Cederman L-E, Gleditsch, K.S., & Hug, S. (2013) “Elections and Ethnic Civil War”, *Comparative Political Studies*, Vol. 46, No. 3, PP. 387-417.
7. Cordell K. and Wolff S (Ed.) (2011), *Routledge Handbook of Ethnic Conflict*, Routledge.
8. Cordell K. and Wolff S. (2011) “The Study of Ethnic Conflict”, in: Cordell K. and Wolff S. eds., *Handbook of Ethnic Conflict*, Routledge, PP. 1-15.
9. Definition of Theory, trên trang <https://en.oxforddictionaries.com/definition/theory>, truy cập ngày 8/3/2017.
10. Dodeye Uduak Williams (2015), “How Usefull are the Main Exiting Theory of Ethnic Conflict”, *Academic Journal of Interdisciplinary Studies*, Vol. 4, No 1, PP. 147-151.
11. Gurr, T.R. (1994), “Peoples Against States: Ethnopolitical Conflict and the Changing World System: 1994 Presidential Address”, *International Studies Quarterly*, Vol. 38, No. 3, PP. 347-377.
12. Fearon James D and Laitin David (2003), “Ethnicity, Insurgency, and Civil War”, *American Political Science Review*, Vol. 97, PP. 75-90.
13. Frans de Djalong and Lambang Trijono (2004), *The Making of Ethnic and Religious Conflicts in Southeast Asia: Cases and Resolutions*, CSPA Books.
14. Huntington S. (1971), “The Change to Change: Modernization, Development, and Politics”, *Comparative Politics*, 3 (3).
15. Lake D.A. & Rothchild D. (1996), “Containing Fear: The Origins and Management of Ethnic Conflict”, *International Security*, Vol. 21, No. 2, PP. 41-75.

16. Lake D.A. & Rothchild D. (1998), *The International Spread of Ethnic Conflict: Fear, Diffusion, and Escalation*, Princetown University Press., New Jersey.
17. Matthias Basedau (2011), *Managing Ethnic Conflict: The Menu of Institutional Engineering*, GIGA Research Programme: Violence and Security, Working Papers, No. 171/ 2011.
18. Michael Rear (2008), *Intervention, Ethnic Conflict and State-Building in Iraq: A Paradigm for the Post-Colonial State*, Routledge.
19. Rohan Gunaratna, Arabinda Acharya, and Wang Pengxin (2010), *Ethnic Identity and National Conflict in China*, Palgrave Macmillan.
20. Patrick James and David Goetze (Ed.) (2001), *Evolutionary Theory and Ethnic Conflict*, Praeger.
21. Payne R. (2013), *Global Issues*, New York, Pearson.
22. Saxton G.D. & Benson M. (2006) “Structure, Politics, and Action: An Integrated Model of Nationalist Protest and Rebellion”, *Nationalism and Ethnic Politics*, Vol. 12, No. 2, PP. 1-39.
23. Thomas S. Szayna and others (1998), *Identifying Potential Ethnic Conflict: Application of a Process Model*, CA: RAND, MR-853-A, Santa Monica.
24. Tina Kempin Reuter, “What is Ethnic Conflict”, in *Encyclopedia Britannica*, <https://www.britannica.com/topic/ethnic-conflict>, truy cập ngày 5/3/2017.
25. Varshney, Ashutosh (2007), “Ethnicity and Ethnic Conflict”, in: *Carles Boix and Susan Stokes, eds., Oxford Handbook of Comparative Politics*, Oxford University Press, PP. 274-294.
26. Wimmer, Andreas (2008), “The Making and Unmaking of Ethnic Boundaries: A Multi-level Process Theory”, *American Journal of Sociology*, 113 (4), PP. 970-1022.



Làng bản của người Hà Nhì ở thôn Lao Chải 1, xã Y Tý, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai

Ảnh: Trịnh Thị Lan, chụp năm 2010